

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04/10/2019

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn, nuôi
con chung khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Hoạt;
2. Bà Nguyễn Thị Anh Tú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Xuân Trà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Bà Phùng Thị Thêu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 125/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Linh Thị N, sinh năm 1983;

2. *Bị đơn:* Anh Triệu Đức H, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: thôn N, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

(Chị N, anh H đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, chị Linh Thị N trình bày:*

Chị kết hôn với anh Triệu Đức H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 23/01/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng những năm đầu hòa thuận, hạnh phúc, nhưng từ năm 2017 đến nay cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh H là người có nhược điểm trong sinh hoạt như: hay uống rượu, say rượu, cờ bạc, không tu trí làm ăn. Chị N đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H không nghe,

mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân cuộc sống vợ chồng không hàn gắn được, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên kiên quyết xin được ly hôn với anh Triệu Đức H.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên là Triệu Đức H1, sinh ngày 19/7/2014, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn nguyện vọng của chị là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung:

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

+ Về nợ chung: Vợ chồng chị N, anh H không nợ ai và không cho ai nợ.

** Bị đơn anh Triệu Đức H trong quá trình tố tụng trình bày:*

Về thời điểm kết hôn đúng như chị N trình bày, tuy nhiên sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, thỉnh thoảng có mâu thuẫn nhưng không lớn, nhưng từ tháng 3/2019 đến nay chị N bỏ nhà đi đâu? Làm gì? Anh không biết. Nay chị N xin ly hôn anh không nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Triệu Đức H1, sinh ngày 19/7/2014, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nếu ly hôn nguyện vọng của anh là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đúng như chị N trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập hợp lệ các văn bản như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn xin vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn và nuôi con chung sau ly hôn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo luật định.

- Về nội dung: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện

của chị Linh Thị N; Về án phí: Chị Linh Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Linh Thị N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giải quyết vụ việc xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Chị Linh Thị N và anh Triệu Đức H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Chị Linh Thị N và anh Triệu Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 23/01/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Đây là hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, hôn nhân của chị N và anh H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng từ năm 2017 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên anh H và chị N đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Chị N làm đơn xin ly hôn anh H vì thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc do anh H là người có nhược điểm trong sinh hoạt như hay uống rượu, say rượu, cờ bạc không tu trí làm ăn. Chị N đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H không nghe. Từ tháng 3 năm 2019 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc và liên lạc gì với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt. Do vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải để anh chị về đoàn tụ với nhau được. Qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân, cuộc sống vợ chồng giữa chị N và anh H cho thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa anh H và chị N thời gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn chủ yếu do anh H không tu chí làm ăn, hay uống rượu, tự ý bán tài sản chung của vợ chồng mà không được sự nhất trí của chị N, xâm phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Do đó chị N đã bỏ đi và vợ chồng đã sống ly thân khoảng 5 đến 6 tháng nay, không còn liên lạc và bỏ mặc nhau trong cuộc sống, anh H cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh H và chị N có 01 con chung tên là Triệu Đức H1, sinh ngày 19/7/2014, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Từ khi ly thân đến nay, cháu H1 sống trực tiếp với chị N. Khi ly hôn, anh H, chị N đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Xét thấy, con chung còn nhỏ, đang sống ổn định với chị N, cháu phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần; mặt khác, hiện nay thu nhập của chị N là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng)/ tháng, còn anh H không có việc làm, thu nhập ổn định, bản thân anh H hay uống và say rượu, không tu trí làm ăn, nếu giao con chung cho anh H sẽ không đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển bình thường của con chung. Do đó cần tiếp tục giao con chung cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

[4]. Về yêu cầu cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu nên không xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai vợ chồng không nợ ai và không cho ai nợ.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Linh Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Linh Thị N đối với anh Triệu Đức H. Chị Linh Thị N được ly hôn với anh Triệu Đức H.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Triệu Đức H1, sinh ngày 19/7/2014, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường cho chị Linh Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N, anh H không nợ ai và không cho ai nợ.

5. Về án phí: Chị Linh Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 02012 ngày 31/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Linh Thị N và anh Triệu Đức H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tp. Bắc Kạn (02b);
- Chi cục THADS tp. Bắc Kạn
(01b, khi Án có hiệu lực);
- Các đương sự (01b);
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn
(01b);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Tạ Văn Tư